

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DSST

Ngày: 24/01/2025

“V/v: Tranh chấp đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HUNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Tiến Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bình và bà Lê Thị Oanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trung Kiên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 24/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2024/TLST-DS ngày 02/8/2024, về việc *“Tranh chấp đòi tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 33/2024/QĐXXDS-ST ngày 02/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2024/QĐST-DS ngày 27/12/2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Hà Văn T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1958 là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; địa chỉ: số F đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

* **Bị đơn:** Ông Đào Đức Đ, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Đ, thôn D, xã Đ (nay là xã C), huyện K, tỉnh Hưng Yên.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Giáp Thị T1, sinh năm 1982.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1: Ông Hà Văn T.

Cùng địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Đ, thôn D, xã Đ (nay là xã C), huyện K, tỉnh Hưng Yên.

* **Người làm chứng:** Ông Đào T2, sinh năm 1956; Nơi thường trú: Thôn D, xã Đ (nay là xã C), huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Tại phiên toà: Tất cả những người tham gia tố tụng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn T trình bày:

Giữa vợ chồng ông với ông Đào Đức Đ không có quan hệ họ hàng gì, chỉ là quan hệ trong làm ăn, buôn bán. Vợ chồng ông làm nghề kinh doanh, buôn bán hoa tươi. Năm 2019-2020, ông có giao dịch bán hoa cho ông Đào Đức Đ. Quá trình mua, bán hoa, thời gian đầu khi nhận hoa thì ông Đ phải thanh toán tiền ngay cho vợ chồng ông nhưng sau một thời gian, ông Đ tạo được lòng tin nên vợ chồng ông đã tạo điều kiện cho ông Đ 15 ngày thanh toán một lần. Tuy nhiên, nhiều lần đến kỳ thanh toán nhưng ông Đ khát nợ và tiếp tục mua hàng của vợ chồng ông nên số tiền dư nợ ngày càng nhiều lên. Các lần mua bán và thanh toán tiền, ông đều ghi chép đầy đủ để theo dõi. Đến ngày 09/12/2022, ông và ông Đ chốt nợ, ông Đ còn nợ vợ chồng ông số tiền 410.000.000đ. Sau lần chốt nợ này, vợ chồng ông tiếp tục bán hoa và cho ông Đ nợ một khoản tiền khác hơn 500.000.000đ. Riêng khoản tiền này thì vợ chồng ông Đ đã trả vợ chồng ông được 200.000.000đ, còn nợ lại hơn 300.000.000đ, tuy nhiên khoản tiền này ông Đ chưa ký nhận nên vợ chồng ông tạm thời chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau lần chốt nợ ngày 09/12/2022, vợ chồng ông đã nhiều lần yêu cầu ông Đ trả nợ nhưng ông Đ đều khát lần, không trả. Nay, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đào Đức Đ phải thanh toán trả vợ chồng ông toàn bộ khoản nợ gốc đã chốt ngày 09/12/2022 là 410.000.000đ, buộc ông Đ phải thanh toán trả vợ chồng ông tiền lãi tính từ ngày 09/12/2022 với lãi suất là 0,83%/tháng tính đến thời điểm giải quyết, xét xử vụ án. Ngoài ra, ông Đ phải tiếp tục chịu lãi suất cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho vợ chồng ông.

Quá trình giao dịch mua bán hoa, chỉ có ông Đ giao dịch và ký nhận nợ với vợ chồng ông. Tuy nhiên, ông Đ mua hoa của vợ chồng ông nhằm mục đích kinh doanh, phát triển kinh tế gia đình trong thời kỳ hôn nhân với bà Nguyễn Thị N. Do vậy, ông đề nghị Tòa án tuyên buộc bà N phải có trách nhiệm cùng với ông Đ thanh toán trả vợ chồng ông toàn bộ khoản tiền gốc và lãi phát sinh.

Theo lời khai ngày 22/8/2024, bị đơn ông Đào Đức Đ trình bày:

Giữa ông với vợ chồng ông Hà Văn T không có quan hệ họ hàng gì, chỉ là quan hệ trong làm ăn, buôn bán với nhau. Ông làm nghề kinh doanh hàng hoa. Năm 2019-2020, ông có giao dịch mua hoa của vợ chồng ông Hà Văn T (ông trực tiếp trao đổi, mua bán với ông T). Quá trình mua, bán hoa, thời gian đầu hai bên mua bán, thanh toán tiền cho nhau đầy đủ. Sau một thời gian thì do thiếu vốn nên có lúc ông thanh toán trả tiền, lúc thì nợ lại. Quá trình ông

nợ lại tiền hoa là rất nhiều lần, không nhớ cụ thể. Tuy nhiên, ông và ông T đã chốt nợ vào ngày 09/12/2022, ông còn nợ của vợ chồng ông T số tiền 410.000.000đ. Sau thời gian chốt nợ này, do điều kiện làm ăn kinh tế khó khăn, thua lỗ nên ông chưa có điều kiện trả tiền cho vợ chồng ông T, mặc dù ông T đã đòi ông nhiều lần.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải trả khoản tiền gốc là 410.000.000đ và lãi suất phát sinh là 0,83%/tháng kể từ ngày 09/12/2022 cho đến thời điểm thanh toán trả nợ xong. Quan điểm của ông nhất trí với khoản nợ gốc đối với vợ chồng ông T là 410.000.000đ và nhất trí trả lãi theo yêu cầu của ông T.

Thời điểm ông kinh doanh hàng hoa, vợ ông làm công nhân tại Phố Nối, thị xã M, tỉnh Hưng Yên. Mặc dù mỗi người một nghề nhưng kinh tế vợ chồng ông đều chung một mối, lợi nhuận thu được đều để xây dựng kinh tế trung trong gia đình. Vợ chồng ông kết hôn năm 2009, kể từ khi kết hôn đến nay, vợ chồng ông vẫn chung sống cùng nhau, không có thời gian nào ly thân.

Do hiện tại điều kiện kinh tế còn khó khăn chưa có khả năng thanh toán trả nợ cho vợ chồng ông T được nên ông xin được trả dần, ông đề nghị ông T cho ông trả nợ theo kế hoạch như sau:

- Ngày 31/12/2024 trả số tiền gốc 200.000.000đ và lãi suất phát sinh.
- Ngày 30/6/2025 trả số tiền gốc 210.000.000đ và lãi suất phát sinh.

Tuy nhiên, ông T không nhất trí phương án trả nợ như quan điểm của ông Đ đã nêu và đề nghị Toà án giải quyết, xét xử theo quy định của pháp luật.

Theo lời khai của người làm chứng là ông Đào T2 trình bày: Ông là bố đẻ của ông Đào Đức Đ và là bố chồng của bà Nguyễn Thị N. Ông được biết, ông Đ và ông T có làm ăn buôn bán với nhau từ nhiều năm nay, ông T đã nhiều về gia đình ông chơi. Tuy nhiên, việc làm ăn giữa ông Đ và ông T cụ thể như thế nào thì ông không nắm được. Do ông Đ làm ăn kinh tế thua lỗ nên bỏ đi làm ăn ở địa phương khác từ đầu năm 2024 đến nay chưa về nhà. Quá trình Toà án giải quyết vụ án, Toà án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải cho bà N, ông đã giao lại cho bà N nhưng bà N nói là bận công việc, đồng thời không liên quan gì đến công nợ nên không đến Toà án giải quyết. Hiện tại bà N làm công nhân tại Phố Nối, sáng đi tối về, địa chỉ cụ thể thì ông không biết. Mọi giấy tờ của Toà án gửi đến thì ông nhận trách nhiệm sẽ giao lại cho bà N. Do bận công việc nên ông xin được vắng mặt tại Toà án, đề nghị Toà án không triệu tập ông đến tham gia tố tụng.

Theo lời khai ngày 25/12/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:

Quá trình Toà án giải quyết vụ án, bà có nhận được văn bản và giấy triệu tập của Toà án yêu cầu đến làm việc nhưng bà xác định không liên quan gì

đến khoản nợ, đồng thời bà đi làm công nhân, công việc bận rộn không có thời gian đến Tòa án làm việc được.

Về yêu cầu đòi nợ của ông Hà Văn T thì bà khẳng định: thời gian trước đây khi ông Đ chồng bà làm ăn buôn bán hoa với ông T thì ông Đ không bàn bạc gì với bà. Bà không biết việc ông Đ còn nợ ông T bao nhiêu tiền, ông Đ cũng không nói gì về việc nợ tiền ông T. Trên thực tế thì vợ chồng bà mỗi người một công việc, bà làm công nhân, còn ông Đ làm nghề buôn bán tự do. Trước đây ông Đ chạy xe tải nhưng kể từ năm 2016 thì chuyển sang bán hoa. Quá trình ông Đ buôn bán không chia sẻ gì với bà về việc buôn bán, cũng không đưa cho bà đồng nào, mọi việc trong gia đình, con cái học hành, ăn uống đều do một mình bà lo liệu. Ông Đ thường xuyên đi vắng, không đóng góp tiền nong để nuôi con. Do vậy, khoản tiền ông T đòi vợ chồng bà thì bà không chấp nhận, nếu ông Đ ký nợ với ông T thì ông Đ có trách nhiệm với ông T. Hiện tại về mặt pháp lý thì bà và ông Đ vẫn là vợ chồng nhưng trên thực tế thì bà và ông Đ đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Bà đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng do bận công việc nên bà xin vắng mặt tại phiên tòa.

Nội dung xác minh tại chính quyền địa phương xã Đ cho biết: Anh Đào Đức Đ, sinh năm 1982; Quê quán và thường trú tại: Thôn D, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên và chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987; Quê quán: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên và hiện thường trú tại: Thôn D, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên kết hôn với nhau vào năm 2009 và có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Đ vào ngày 04/5/2009. Sau khi kết hôn anh Đ và chị N chung sống, thường trú tại địa phương thôn D, xã Đ cho đến nay. Đến thời điểm hiện nay anh Đ và chị N vẫn chung sống với nhau và chưa ly hôn. Anh Đ thường xuyên đi làm ăn xa, còn chị N thì làm công nhân, sáng đi, tối về.

Đơn đề nghị bổ sung của ông Hà Văn T: Ngày 26/12/2024, nguyên đơn ông Hà Văn T có Đơn đề nghị với nội dung, trong suốt quá trình buôn bán hoa tươi với anh Đào Đức Đ, ông chỉ giao dịch mua bán với anh Đ, không trực tiếp giao dịch mua bán với vợ anh Đ. Nay ông có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xem xét giải quyết buộc anh Đ phải trả ông số tiền còn nợ 410.000.000đ cộng lãi suất quá hạn theo quy định.

Vụ kiện đã được Tòa án hoà giải nhưng không thành vì vậy phải đưa ra xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều vắng mặt và không ai có quan điểm, ý kiến, tài liệu liên quan nào khác chuyển tới Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:* Thẩm phán TAND huyện Khoái Châu đã thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp; Xác định đúng, đủ tư cách tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã tiến hành tố tụng và cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp đúng theo quy định của BLTTDS; HĐXX, thư ký không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định.

+ *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn ông T, bị đơn ông Đ đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị N chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng Dân sự, vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70 BLTTDS.

+ *Về áp dụng pháp luật:* Điều 25, Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 429, Điều 155, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự. Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ *Về đường lối giải quyết:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn T, buộc ông Đào Đức Đ phải có trách nhiệm trả ngay cho vợ chồng ông T tổng số tiền gốc còn nợ là 410.000.000đ và lãi suất kể từ ngày 09/12/2022 đến thời điểm xét xử vụ án.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật ông T có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên, thì phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Nguyên đơn ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền là 11.150.000đ. Bị đơn anh Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà T1) là ông T; Bị đơn là ông Đ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà N; Người làm chứng là ông T2 đều vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, các đương sự, người làm chứng và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Hà Văn T khởi kiện yêu cầu ông Đào Đức Đ và bà Nguyễn Thị N phải liên đới trả số tiền nợ gốc do không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay nên quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là “*Tranh chấp đòi tài sản*”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn thường trú tại xã Đ (nay là xã C), huyện K, tỉnh Hưng Yên; Nội dung, đối tượng khởi kiện là “*Tranh chấp đòi tài sản*”, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[4]. Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn và bị đơn đều xác định ngày chót nợ là ngày 09/12/2022. Ngày 23/7/2024, ông T khởi kiện yêu cầu ông Đ trả nợ, căn cứ vào Điều 429 Bộ luật dân sự thời hiệu khởi kiện là vẫn còn.

[5]. Nội dung và trách nhiệm trả nợ: Theo đơn khởi kiện và quan điểm ban đầu thì vợ chồng ông thực yêu cầu ông Đ trả nợ, đồng thời vợ ông Đ là bà N phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ 410.000.000đ và lãi suất 0,83%/tháng. Xét yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn là có căn cứ, vì trong quá trình giải quyết, nguyên đơn đã đưa ra chứng cứ là giấy chót nợ được hai bên ký nhận, đồng thời phía bị đơn cũng thừa nhận khoản nợ như nguyên đơn yêu cầu, do vậy đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông Đ nhất trí hai vợ chồng ông có trách nhiệm trả nợ vợ chồng ông T. Tuy nhiên, người có quyền lợi liên quan là bà Nguyễn Thị N (vợ ông Đ) có quan điểm không nhất trí khoản nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là khoản nợ chung vợ chồng chị, vì quá trình làm ăn, ông Đ không bàn bạc gì với bà, không thông báo cho bà biết về khoản nợ, công việc làm ăn của vợ chồng mỗi người một mảng, không liên quan đến nhau, do vậy bà không nhất trí trả nợ ông T.

Ngày 26/12/2024, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu nhận được Đơn đề nghị của ông Hà Văn T với nội dung ông T trình bày trong quá trình giao dịch mua bán hoa giữa ông và ông Đ thì không có bà N tham gia, nay ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Đ phải thanh toán trả vợ chồng ông khoản tiền

410.000.000đ cộng lãi suất quá hạn theo quy định. Xét thấy quan điểm của ông T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận. Buộc ông Đ phải có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng ông T khoản nợ trên. Về lãi suất, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi là 0,83%/tháng kể từ ngày 09/12/2022 đến thời điểm giải quyết, xét xử vụ án và được ông Đ nhất trí. Xét thấy mức lãi xuất theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với mức lãi suất trên thị trường vào thời điểm hiện tại và không cao hơn mức lãi suất theo quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và khoản 3 Điều 144, Điều 147 của BLTTDS để xử lý về tạm ứng án phí, án phí như sau:

- Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền 11.150.000đ đã nộp tạm ứng án phí.
- Bị đơn ông Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng: Căn cứ các Điều: 166, 275, 280, 357, 429, 155, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn T
- Buộc ông Đào Đức Đ phải trả ngay cho vợ chồng ông Hà Văn T tổng số tiền gốc còn nợ là 410.000.000đ và tiền lãi kể từ ngày 09/12/2022 đến ngày 24/01/2025 là 86.930.000đ. Tổng số nợ gốc và lãi, ông Đ phải thanh toán trả vợ chồng ông T là 496.930.000đ (Bốn trăm chín mươi sáu triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, ông T, bà T1 có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên, thì phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

- Hoàn trả lại cho ông Hà Văn T số tiền 11.150.000đ (Mười một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0002234 ngày 02/8/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

- Ông Đào Đức Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.877.200đ (Hai mươi ba triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Tiến Trung